

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐL
TỈNH QUẢNG NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2021/HN GD-ST

Ngày: 28/01/2021

V/v tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Phụng
2. Ông Võ Nam Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký TAND huyện ĐL

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thu - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020. Về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; trú tại thôn Ngọc, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1956; trú tại thôn Ngọc, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị H, trú tại thôn Hà, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam có mặt.

- Anh Nguyễn Thanh H, trú tại khu tái định cư HL, thôn Nam, xã HL; huyện HV, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị V, trú tại thôn Long, xã TS, Huyện BTM, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị, trú tại thôn Ngọc, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Năm 2018, bà và ông Nguyễn C đã được Tòa án nhân dân huyện ĐL xét xử cho ly hôn, về phần tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết, tuy nhiên sau khi ly hôn bà và ông C không tự phân chia tài sản chung với nhau được. Nay bà yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn, để mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, tài sản chung gồm có: một ngôi nhà vách ván, mái lợp tôn trên diện tích đất ở 100 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 833171, tờ bản đồ số 05, số thửa 1272 do UBND huyện ĐL cấp cho hộ Nguyễn C vào ngày 30/11/2004 tại thôn Ngọc, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam.

Qua kết quả đo đạc định giá của Tòa án vào ngày 17/11/2020 Hội đồng định giá đã xác định về giá trị diện tích đất là 156.000.000 đồng và tài sản trên đất có giá trị là 33.787.500 đồng tổng giá trị tổng cộng là 189.787.500 đồng. Theo bà B nhà và đất bà đang tranh chấp với ông C có giá trị như sau: đất có giá 280.000.000 đồng theo giá thị trường, nhà thì bà B đồng ý với giá định giá của Hội đồng định giá là 34.000.000 đồng tổng cộng là 314.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 09 tháng 12 năm 2020, bà có nguyện vọng được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tranh chấp nói trên với số tiền là 157.000.000 đồng, giao ngôi nhà và đất cho ông C sử dụng định đoạt, nhưng ông C không chịu thỏa trả giá trị trên mà chỉ chấp nhận thỏa trả cho bà 117.000.000 đồng, bà không đồng ý. Nay bà yêu cầu Hội đồng xét xử cho bà được nhận thừa đất ở và tài sản trên đất là ngôi nhà, bà thỏa trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản (314.000.000 đồng), trả cho ông Nguyễn C số tiền 157.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 12 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn C trình bày: Ông đồng ý với lời trình bày của bà B về việc kê khai tài sản chung của ông và bà B sau ly hôn. Nay bà B có nguyện vọng chia đôi giá trị tài sản này thì ông đồng ý, nhưng theo ông Nguyễn C thừa đất ở nêu trên có giá trị thị trường là 200.000.000 đồng, nhà có giá trị như ý kiến của bà B là 34.000.000 đồng, tổng cộng trị giá tài sản là 234.000.000 đồng. Nay chia đôi giá trị tài sản này ông có nguyện vọng nhận nhà và đất thỏa trả cho bà B số tiền 117.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (con ruột của ông C và bà B) đều trình bày, việc phân chia tài sản chung của cha mẹ là ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị B là tài sản của ông C và bà B, tất cả những người con không ai có yêu cầu chia tài sản này.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện *đúng, đầy đủ* quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử: thành phần HĐXX phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 186, 189, 190 BLTTDS 2015.

Người tham gia tố tụng là bị đơn: Ông Nguyễn C sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đã không thực hiện quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Từ những chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B: Cho bà được nhận thửa đất ở có diện tích 100 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 833171, tờ bản đồ số 05, số thửa 1272 do UBND huyện ĐL cấp cho hộ Nguyễn C vào ngày 30/11/2004 tại thôn Ngọc, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam và tài sản trên đất là ngôi nhà, bà B bồi trả ½ giá trị tài sản (314.000.000 đồng) cho ông Nguyễn C số tiền 157.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng ông Nguyễn C trốn tránh không đến Tòa. Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và tại phiên tòa ngày 14 tháng 01 năm 2021 bị đơn ông Nguyễn C vắng mặt. Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ H – TA ngày 14 tháng 01 năm 2021, đã tổng đạt hợp lệ cho ông C. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông C tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Qua kết quả đo đạc định giá của Tòa án vào ngày 17/11/2020 Hội đồng định giá đã xác định về giá trị diện tích đất là 156.000.000 đồng và tài sản trên đất là ngôi nhà trụ gỗ lợp tole có giá trị là 33.787.500 đồng tổng giá trị tổng cộng là 189.787.500 đồng. Bà B đồng ý với giá trị ngôi nhà trên đất, không đồng ý giá trị thửa đất là 156.000.000 đồng, theo bà B giá trị thửa đất theo giá thị trường là 280.000.000 đồng và giá trị nhà là 34.000.000 đồng, tổng cộng trị giá tài sản là 314.000.000 đồng. Nay chia đôi giá trị tài sản này bà có nguyện vọng nhận nhà và đất thối trả cho bà B số tiền 157.000.000 đồng. Ông C không đồng ý giá của bà B đưa ra. Mà chỉ chấp nhận giá thửa đất là 200.000.000 đồng và giá trị của ngôi nhà là 34.000.000 đồng, ông C đề nghị được nhận nhà và đất, thối trả cho bà B $\frac{1}{2}$ giá trị ngôi nhà và đất là 117.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét nên giao nhà và đất cho bà B được quyền sở hữu và sử dụng, bà B có nghĩa vụ thối trả cho ông Nguyễn C số tiền là 157.000.000 đồng

[3] Về án phí:

Áp dụng quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

HĐXX xét thấy ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị B là những người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 213 Bộ luật dân sự,

Áp dụng Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu bà Nguyễn Thị B: Bà được nhận thửa đất ở có diện tích 100 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 833171, tờ bản đồ số 05, số thửa 1272 do UBND huyện ĐL cấp cho hộ Nguyễn C vào ngày 30/11/2004, tại thôn Ngọc, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam và tài sản trên đất là ngôi nhà gỗ lợp tôn, bà thối trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản (314.000.000 đồng) cho ông Nguyễn C số tiền 157.000.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy ngàn).

2. Về án phí: Áp dụng quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn C được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí là 4.250.000 đồng theo phiếu thu số 3681 ngày 22 tháng 6 năm 2020.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *VKSND huyện Đại Lộc*
- *CCTHADS huyện Đại Lộc*
- *Các đ-ơng sự*
- *L- u hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tr- ơng Văn Triệu